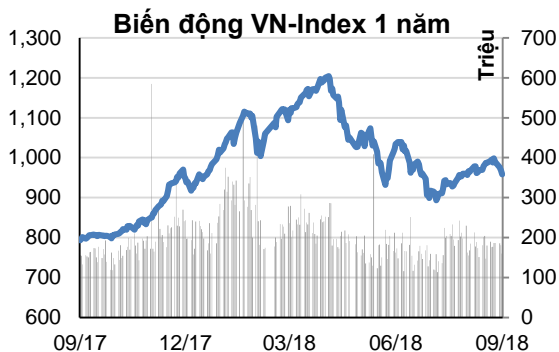


Biến động thị trường

	20/09	1T (%)	3T (%)
VN Index	1,005	3.6%	2.4%
GTGD	5,020	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	8	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Phá vỡ ngưỡng 1,000 điểm

- VN-Index vượt mốc 1,000 điểm nhờ lực cầu gia tăng, chỉ số tăng trưởng 0.92% và đóng cửa ở mức cao nhất phiên. Thanh khoản đạt 178 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,895 tỷ đồng giá trị.
- Trên sàn HSX, độ rộng thị trường tỏ ra tích cực khi có 188 mã tăng và 97 mã giảm. Các chỉ số tăng trưởng khi VN30-Index, VNSmall-Index đi lên 0.88%, 0.32% đặc biệt VNMid-Index bứt phá 1.15%.
- Nhóm cổ phiếu ngân hàng dẫn dắt thị trường nhờ VCB, CTG, TCB, VPB và MBB. Thêm vào đó, họ dầu khí cũng có diễn biến tích cực khi GAS tăng 3.5%, PVD tăng 4% và PVS tăng 1.3%. Một số cổ phiếu trong nhóm VN30 cũng có sự tăng tốc nổi bật là DHG, DPM, GMD, HPG, HSG, MSN, REE và VRE.
- Chiều ngược lại, bất động sản rung lắc khi VIC và NVL suy yếu, lực bán xuất hiện trên VNM, MWG làm hai mã này chìm trong sắc đỏ.
- Khối ngoại mua ròng 8 tỷ đồng trên sàn HSX. GAS, BMP và SSI nằm trong danh sách mua vào nhiều nhất. Ở chiều bán, nhóm này bán mạnh VIC, VHM và MSN với giá trị 18.7 tỷ đồng, 18 tỷ đồng và 10.8 tỷ đồng.
- **Nhận định thị trường:** Tâm lý thị trường trở nên tích cực khi VN-Index phá vỡ ngưỡng tâm lý 1,000 điểm và đi lên. Xu hướng tăng ngắn hạn được xác nhận, vì thế nhà đầu tư có thể tăng tỷ trọng cổ phiếu và tập trung vào nhóm dẫn dắt.

Trái phiếu và Hàng hóa

	20-09	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.065%	4.225%	2.275%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.285%	4.525%	3.053%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.113%	5.125%	4.838%
Dầu WTI (\$/thùng)	71.48	66.43	66.22
Gold (\$/oz)	1,203	1,191	1,268

Nguồn: Bloomberg

Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	25.6%	26.4%	20.8%	18.7%
PER Forward (x)	18.4	20.0	17.1	14.4

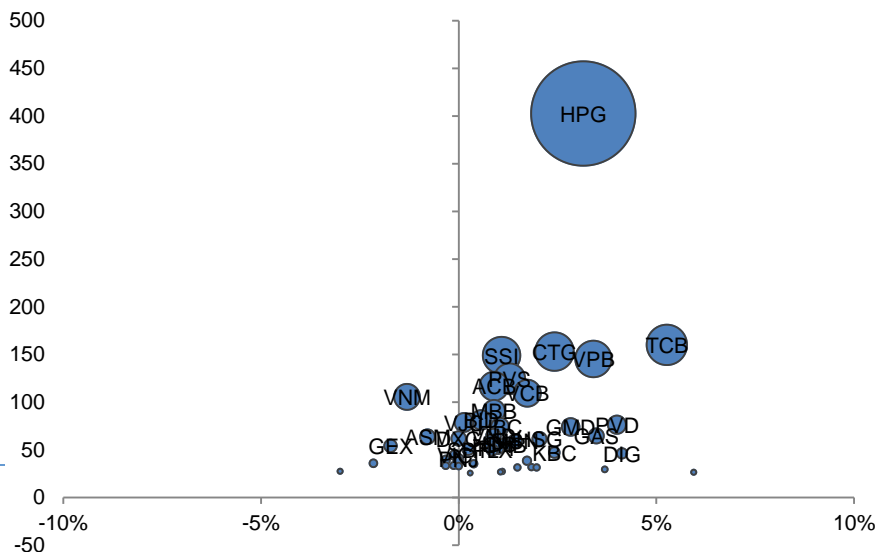
Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468
Phat.pt@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464
Hieu.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-950

Kháng cự 1: 1,000-1,010

Hỗ trợ 2: 885-890

Kháng cự 2: 1,035-1,040

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



VN-Index tạo mẫu hình nến tăng Bullish Belt-Hold đồng thời xác nhận tín hiệu break-out lên khỏi vùng 1,000 điểm cũng như trendline kháng cự ngắn hạn. Khối lượng duy trì ở mức cao với 180 triệu đơn vị khớp lệnh phản ánh dòng tiền tham gia tích cực.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), xu hướng của VN-Index đang là tăng điểm và tín hiệu break-out hôm nay tiếp tục xác nhận xu hướng đang hình thành và phát triển. Các chỉ báo kỹ thuật đồng thuận tín hiệu tăng với RSI đi lên mạnh trong khi MACD cắt lên đường Signal. Mục tiêu ngắn hạn cho chỉ số nằm tại MA(200) tương ứng quanh 1,024 điểm.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ cuối tháng 05/2018 với mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C dự kiến đang hình thành với vùng giá mục tiêu quanh 1,012-1,024 điểm.

Hành động

VN-Index xác nhận tín hiệu break-out hôm nay qua đó xác nhận xu hướng tăng tiếp tục duy trì. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu có xung lực tốt với dòng tiền tham gia tích cực đồng thời nâng tỷ trọng cổ phiếu ở nhịp điều chỉnh.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	1,005	9.20	0.9%	SL CP tăng giá	188
KLGD ('000 cổ phiếu)	204,560	-39,857	-16.3%	SL CP giảm giá	97
GTGD (tỷ VND)	5,020	-101	-2.0%	SL CP không đổi	80

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
GAS	116,000	3,900	2.35	VNM	136,000	-1,800	-0.823	HPG	40,900	9.97	402.6
TCB	28,000	1,400	1.54	NVL	64,500	-1,500	-0.429	TCB	28,000	5.78	159.8
VCB	64,400	1,100	1.25	NT2	26,600	200	-0.118	CTG	27,450	5.64	152.8
HPG	40,900	1,250	0.84	VIC	98,500	-100	-0.101	SSI	32,600	4.59	148.9
CTG	27,450	650	0.76	GEX	28,500	-500	-0.064	VPB	25,800	5.71	145.2

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	2.7%	2.23
Nguyên vật liệu	2.3%	1.05
Tài chính	1.9%	5.20
Năng lượng	1.0%	0.34
Y Tế	0.9%	0.09

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD thiết yếu	-0.1%	-0.29

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	115	0.86	0.7%	SL CP tăng giá	100
KLGD ('000 cổ phiếu)	46,427	-15,610	-25.2%	SL CP giảm giá	68
GTGD (tỷ VND)	626	-192	-23.4%	SL CP không đổi	206

Top 5 cổ phiếu Leader				Top 5 cổ phiếu Laggard				Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)			
Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index	Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	VND	Điểm		VND	VND	Điểm		VND	triệu cp	tỷ đồng
V21	15,700	1,400	0.08	L14	46,700	-1,600	-0.09	PVS	23,600	5.29	124.4
VNC	41,500	2,700	0.07	HAD	36,400	-1,100	-0.08	ACB	33,800	3.67	116.7
DTD	12,600	700	0.06	MBG	6,000	-600	-0.07	SHB	8,700	6.39	55.3
NRC	42,000	2,500	0.06	NSH	6,600	-700	-0.05	TNG	15,500	2.48	38.8
VC9	11,000	1,000	0.04	SRA	39,800	-4,400	-0.04	SHS	16,600	1.93	31.8

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	25.6%	0.00
Công nghiệp	8.6%	0.06
TD thiết yếu	6.4%	-0.11
CNTT	4.7%	-0.02
TD không thiết yếu	4.5%	0.04

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Dịch vụ tiện ích	-0.2%	0.00

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
GAS	116,000	50.0	24.0	26.0
BMP	59,200	19.3	0.0	19.3
SSI	32,600	23.0	5.3	17.7
VJC	149,600	15.9	0.7	15.2
NLG	32,400	9.9	0.0	9.9

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VIC	98,500	403.2	421.9	-18.7
VHM	105,000	54.6	72.6	-18.0
MSN	92,500	35.9	46.7	-10.8
VRE	37,550	2.9	11.8	-8.9
PAN	59,900	0.0	8.0	-8.0

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

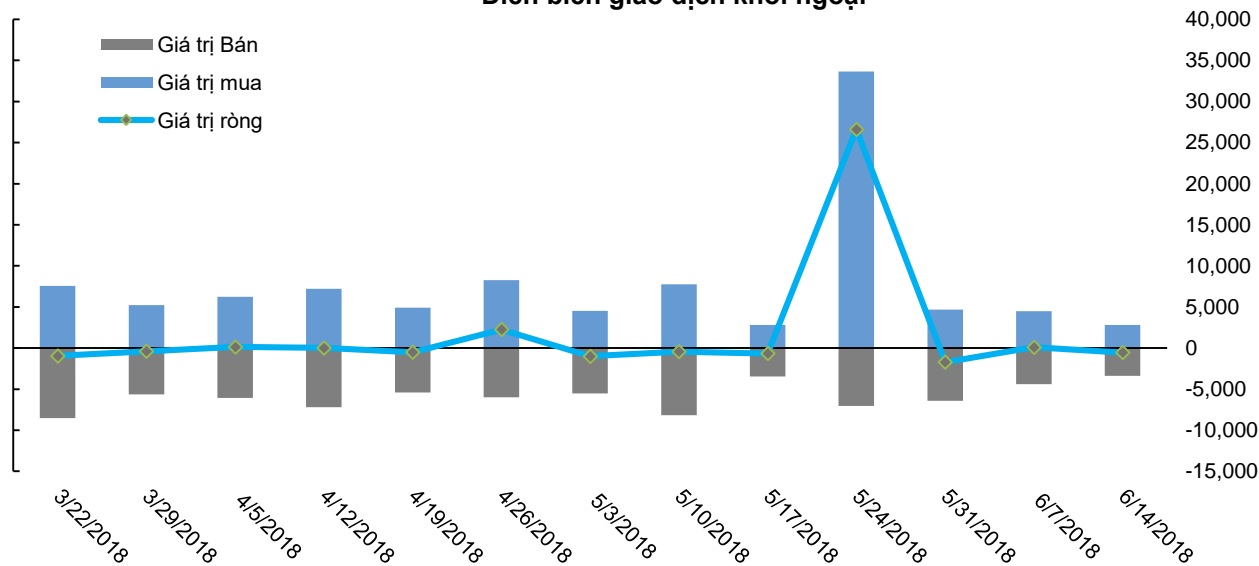
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
CEO	14,100	1.3	0.6	0.8
MBS	18,300	0.7	0.0	0.7
MST	5,000	0.4	0.0	0.4
VCS	99,300	0.5	0.2	0.3
LAS	11,300	0.2	0.0	0.2

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VGC	19,100	13.3	16.2	-2.9
PVS	23,600	0.5	2.9	-2.3
TIG	2,900	0.0	1.8	-1.8
SHS	16,600	0.2	1.3	-1.1
CSC	23,200	0.0	0.6	-0.6

(VNDbn)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 920

Kháng cự 1: 960

Hỗ trợ 2: 900

Kháng cự 2: 975



Nhận định xu hướng: VN30-Index đã break lên trên hoàn toàn đường trendline kháng cự ngắn hạn. Với tín hiệu break-out hôm nay, chỉ số đang tiếp tục xu hướng tăng hình thành từ tháng 07/2018.

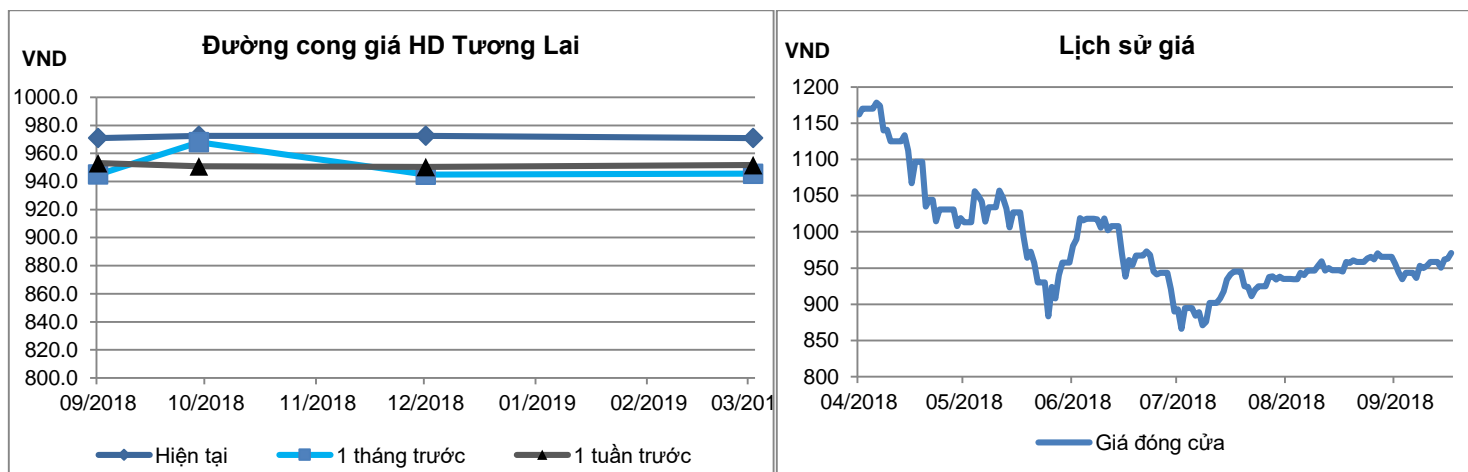
Các chỉ báo xung lực giá và xu hướng như RSI và MACD cũng xác nhận tín hiệu tăng giá với RSI đang gia tăng khá dốc. Mục tiêu trước mắt cho chỉ số quanh 990-1,000 điểm.

Chiến lược đầu tư:

-Long VN30F1810 ở nhịp điều chỉnh quanh 969-970 điểm. Mục tiêu 975 điểm. Dừng lỗ khi giá thủng 965 điểm. Nhà đầu tư hạn chế mua đuổi khi giá đã chạy khi khả năng chỉ số sẽ đi lên với nhịp tăng giảm đang xen.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mở	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	971	8.5	0.9%	66,978,840			
VN30F1809	971	8.2	0.9%	52,525	10,779	20/09/2018	0
VN30F1810	973	9.8	1.0%	19,102	3,886	18/10/2018	28
VN30F1812	973	10.3	1.1%	70	572	20/12/2018	91
VN30F1903	971	9.5	1.0%	78	201	21/03/2019	182



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
21/09/2018	HU6	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800đ/cp)
21/09/2018	KDH	HSX	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền (500 đ/cp), bằng cp (100:5)
21/09/2018	PCN	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ:

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.